

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN MẠNH DŨNG

**QUÁ TRÌNH XÂM NHẬP CỦA PHÁP VÀO VIỆT NAM TỪ
CUỐI THẾ KỶ XVII ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX
- NGUYÊN NHÂN VÀ HỆ QUẢ**

Chuyên ngành: Lịch sử Thế giới Cận đại và Hiện đại
Mã số : 62 22 50 05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2011

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN VĂN KIM

- Phản biện 1: PGS.TS. Trần Ngọc Long**
Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam
- Phản biện 2: PGS.TSKH. Trần Khánh**
Viện Nghiên cứu Đông Nam Á
- Phản biện 3: PGS.TS. Văn Ngọc Thành**
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Nhà nước chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn vào
hồi giờ ngày tháng năm 2011

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong lịch sử thế giới, thế kỷ XVI-XIX là giai đoạn diễn ra những biến động to lớn. Tâm điểm của những biến đổi khởi đầu từ các quốc gia châu Âu sau đó ra khắp thế giới. Mức độ và phạm vi ảnh hưởng còn tác động sâu sắc đến các vùng đất ngoài châu Âu, đưa đến những cuộc tiếp biến văn hóa và mô hình phát triển cả trên bình diện không gian và thời gian. Từ ý nghĩa đó, lịch sử châu Âu nói chung, lịch sử quan hệ quốc tế của châu Âu nói riêng ở những thế kỷ này vẫn là đề tài thu hút sự chú ý của giới nghiên cứu khoa học trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Mặt khác, nghiên cứu lịch sử thế giới giai đoạn XVII-XIX liên quan đến lịch sử Việt Nam vẫn không ít vấn đề phức tạp hay chưa có sự đồng thuận. Dù vậy, các nhà sử học đã cố gắng đưa ra các quan điểm nghiên cứu riêng và phần nào tạo được không khí tranh luận để cùng đi đến sự thống nhất ở một số điểm nhất định. Biểu thị cho khuynh hướng nghiên cứu đó là việc nhìn nhận lại các nhân vật lịch sử thế giới liên quan đến lịch sử Việt Nam.

Trước nay, thời kỳ "thực dân hóa" thế kỷ XIX trong lịch sử Việt Nam là chủ đề dành được những ưu tiên đáng kể. Một mặt, đây là đề tài có đối tượng nghiên cứu rộng, mặt khác cũng cần phải thấy ở đây còn hội tụ rất đa dạng, phong phú những quan điểm/tiếp cận/cách nhìn của các nhà nghiên cứu. Trong đó, nổi lên vẫn là các nguyên nhân và việc lý giải sự thất bại của Việt Nam trước chủ nghĩa thực dân phương Tây. Chủ đề này có ý nghĩa không chỉ trên phương diện lý luận, phương pháp luận mà còn giúp một lần nữa nhìn nhận lại quá khứ, các nhân vật lịch sử với tư cách là chủ thể sáng tạo và luôn chịu tác động của lịch sử, con đường phát triển, cơ hội và thách thức của vận mệnh dân tộc.

Theo đó, những vấn đề như kế hoạch và âm mưu, chuyển hóa lực lượng, tương tác quyền lực, sự xuất hiện những điều kiện lịch sử, chính trị mới; đi sâu phân tích tại sao, trong bối cảnh nào mà Pháp đã "lựa chọn" Việt Nam và cuối cùng là xâm lược Việt Nam; làm rõ hơn cách thức và con đường xâm nhập đó, thực lực và thế ứng đối của chính quyền Việt Nam nhằm đạt tới một cái nhìn toàn cảnh về các giai đoạn phát triển "định mệnh" lịch sử Pháp - Việt Nam từ giữa thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX... là những chủ điểm và nội dung có ý nghĩa khoa học trong nghiên cứu hiện nay. Trên cơ sở định hướng đó, tôi quyết định chọn đề tài: ***Quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam từ cuối thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX - Nguyên nhân và hệ quả*** làm chủ đề cho Luận án Tiến sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu

2.1. Các tư liệu, tài liệu đương thời...

Trước hết, đó là những tập du ký, hồi ký... của thương nhân, giáo sĩ... phương Tây như Ch.Borri, A.de Rhodes, J.B.Tavernier, S.Baron, Louis Gaspar, W.Dampier, J.Barrow, J.White, A.Richard... Hầu hết các tập sách (đã được dịch sang tiếng Việt) đã mô tả khá chi tiết về mọi mặt đời sống của cư dân Đại Việt thế kỷ XVI-XVIII. Từ cái nhìn tha nhân (*vision de l'autre*), các du ký, hồi ký cho thấy rõ cái nhìn trực quan sinh động, khách quan, chân thực, nhưng cũng bộc lộ trí hiểu kỳ, giản đơn khi phân tích, nhận thức về một xứ sở phương Đông kỳ thú dưới lăng kính của người Tây phương. Thời kỳ này, chúng tôi lưu ý đến báo cáo của các giáo sĩ, dù thực tế đó chỉ là "mémoires" hay nhật ký, song qua đó cho thấy diễn tiến và mức độ quan tâm đến tình hình Việt Nam của người phương Tây.

Mặc dù ra đời sau nhưng có thể kể đến đầu tiên bộ công trình của A.Launay về lịch sử của MEP, thừa sai Pháp ở Tonkin và Cochinchine... Đây là những tập *tư liệu trực tiếp* có giá trị khi nghiên cứu về những liên hệ về tôn giáo Pháp - Việt Nam giai đoạn tiền thực dân. Đó cũng chính là kho tư liệu cho hầu hết các công trình nghiên cứu về sau này của học giả trong và ngoài nước.

Trong khi đó, đối với những công trình nghiên cứu bằng tiếng Việt, ngoài các *bộ chính sử*, các nguồn tư liệu nhìn chung khá hiếm hoi do nhiều nguyên nhân. Những tư liệu đương thời phần lớn là giáo sử, và cũng chỉ được biên soạn sau khi chữ Quốc ngữ đã được phổ biến và áp dụng ở Việt Nam. Quá trình hình thành chữ Quốc ngữ trước nay đã được tập trung nghiên cứu, ở đây chúng tôi ghi nhận hai cuốn sách đầu tiên chữ Quốc ngữ công bố năm 1651 của giáo sĩ Alexandre de Rhodes. Hiện nay tại văn khố Dòng Tên ở La Mã còn có 2 tài liệu viết tay của Igesico Văn Tín và Bento Thiện, đây là hai tác phẩm viết tay đầu tiên năm 1659. Các tư liệu, tài liệu đương thời xuất hiện ngày một nhiều hơn ở những thế kỷ tiếp theo qua ghi chép của các sử gia, học giả, nhóm tác giả như Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, Trần Trọng Kim, Ngô gia văn phái... trở thành các bộ "tư sử" có giá trị.

2.2. Các công trình nghiên cứu

2.2.1. Những vấn đề chung và lịch sử Công giáo

Đối với mảng công trình nghiên cứu có thể thấy các nhà nghiên cứu, nhất là người Pháp đã tập trung biên soạn trong nhiều năm qua. Đó là những công trình nghiên cứu xuất hiện ở Pháp như của Trần Minh Tiết, Trần Tam Tỉnh... Xuất bản năm 1885 có tên *La Cochinchine religieuse* của linh mục Louvet gồm 2 tập (tập 1, 1550-1779, tập 2, 1800-1884), là một chuyên khảo công phu, trình bày hầu như trọn vẹn tình hình đời sống tôn giáo Đàng Trong cho tới trước khi thực dân Pháp chính thức biến khu vực này thành Nam Kỳ và Trung Kỳ thuộc *Indochine Française*. Đặc biệt, công trình đã đưa vào các quan điểm từ nhiều phía, trên cơ sở cách nhìn cá nhân nhưng trên nền tài liệu khoa học, có độ tin cậy. Giới nghiên cứu giáo sử cũng biết nhiều đến công trình của Henri Chappoulie (*Aux origines d'une*

église. Rome et les missions d'Indochine au XVIII^e siècle), trong đó tác giả đã dựng lại quá trình chuyển từ chế độ Bảo trợ sang chế độ Đại diện Tông tòa, phân tích làm rõ những nỗ lực to lớn của MEP, Hội đồng giáo sĩ Pháp, triều đình, Hội Thánh thể... trong việc vận động thay chân người Bồ ở Viễn Đông.

Trên cơ sở của rất nhiều nguồn tư liệu trước đó, công trình nghiên cứu Ch.Maybon: *Histoire moderne du pays de l'Annam* (1919), và tập 1 trong hai tập công trình nghiên cứu của G.Taboulet: *La geste Française en Indochine* (1955) là nguồn tư liệu trực tiếp rất có giá trị khi nghiên cứu toàn bộ những liên hệ Pháp - Việt Nam trước và trong giai đoạn thực dân hóa. Nghiên cứu của Alain Forest: *Les missionnaires Français au Tonkin et au Siam* (3 tập) là công trình nghiên cứu so sánh Việt Nam và Xiêm, các liên hệ truyền giáo đầu tiên của Pháp ở Đông Nam Á trong giai đoạn truyền giáo thế kỷ XVII-XVIII. Có thể coi là nền tảng khi tiếp cận những vấn đề đòi hỏi tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp trên quan điểm coi lịch sử là một quá trình, lịch sử tổng thể (*l'histoire globale*). A.Forest đã cho thấy những nguyên nhân căn bản tại sao công cuộc truyền giáo thất bại ở Xiêm, thành công ở Đại Việt... Công trình vốn là luận án tiến sĩ của Nicole-Dominique Lê có giá trị khi tác giả đề cập trực tiếp đến việc MEP và sự thâm nhập của Pháp vào Việt Nam (từ sau năm 1862)... Bên cạnh đó là rất nhiều công trình tiếng nước ngoài như dạng "thông sử" như của Albert Septans, P.Huard và M.Durand, A.Woodside, J.Chesneaux, P.Brocheux và D.Hémery, Lê Thành Khôi, J.Buttinger...

Xuất bản vào năm 2005 dưới tựa đề *France-Indochine. Au coeur d'une rencontre*, công trình nghiên cứu của J.Pichon mang đến cho các nhà nghiên cứu một cái nhìn lịch đại. Riêng đối với những vấn đề của lịch sử Việt Nam, cách tiếp cận theo từng chủ đề khá độc đáo, sắc sảo và thể hiện rất rõ sự trăn trở, tâm huyết của J.Pichon đối với việc lý giải "cuộc gặp gỡ" của Pháp với Đông Dương trong 200 năm từ đầu thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX. Cũng có thể tiếp cận một số bài nghiên cứu của các học giả Bắc Mỹ đánh giá về lịch sử Việt Nam thời kỳ này trong hợp tuyển công trình do Anthony Reid và Trần Tuyết Nhung biên tập xuất bản năm 2006. Mới nhất là hợp tuyển các bài viết của tác giả Nguyễn Thế Anh trong cuốn *Parcours d'un historien du Viet Nam*...

Cũng phải nói thêm là không ít đề tài nghiên cứu lấy giai đoạn trước và trong thời kỳ Pháp xâm lược làm luận án như: Ch.Maybon, J.Valette, Yoshiharu Tsuboi năm 1982, hay Charles Fourniau năm 1983... Liên quan nhiều đến quá trình hoạch định can thiệp và tình hình Công giáo ở Pháp có thể kể đến công trình của E.Võ Đức Hạnh: *La place du catholicisme dans les relations entre la France et le Viet Nam de 1851 à 1870*, vốn là Thèse Univ. Strasbourg II, Đại học Lille) (E.J.Brill, 1969, 3 tập). Trên cơ sở các nguồn tư liệu vốn khai thác từ những trung tâm lưu trữ lớn tập hợp lại trong tập 2 và 3 của công trình, E.Võ Đức Hạnh đã dựng lại và đi

đến lý giải vị trí của Công giáo trước và sau khi cuộc chiến Pháp ở Việt Nam, hay tác giả đi đến phân tích nguyên nhân cấm đạo của nhà Nguyễn. Còn công trình của Cao Huy Thuần, vốn phát triển từ luận án Tiến sĩ năm 1969 tên ban đầu là *Christianisme et colonialisme au Vietnam, 1857 - 1914*, sau đó xuất bản bằng tiếng Pháp năm 1990 tại Mỹ: *Les missionnaires et la politique coloniale française au Vietnam, 1857 - 1914*, được coi là "sách đầu tay của ai muốn tìm hiểu lịch sử mất chủ quyền của Việt Nam thế kỷ XIX" (Lời giới thiệu của cuốn sách xuất bản tiếng Việt); gần đây là công trình của C.Lange (năm 2004), J.Ramsay (năm 2008)...

Đối với mảng tiếng Việt, công trình nghiên cứu dạng thông sử được công bố trong nhiều năm qua như bộ *Lịch sử Việt Nam* nhiều tập của tập thể các tác giả Ủy ban KHXH xuất bản năm 1971, giáo trình của tập thể tác giả Đại học Tổng hợp Hà Nội (được biên soạn, sửa chữa nhiều lần từ thập kỷ 60 của thế kỷ XX đến nay); bộ *Lịch sử Việt Nam* nhiều tập của Viện Sử học, Giáo trình Lịch sử Việt Nam của Trường Đại học KHXH&NV (ĐHQGHN) đã và đang được xuất bản... Các công trình tập hợp thành sách về triều Nguyễn cũng đã được xuất bản trong những năm qua... Gần đây góp vào nguồn tư liệu tiếng Việt là các công trình dịch, trong đó phải kể đến *Pháp và Việt Nam - Bạn hay thù?* của Philippe Devillers...

Trên cơ sở những công trình mang tính chất thông sử hay giai đoạn lịch sử Việt Nam như của Nguyễn Thành Nhã, Nguyễn Thế Anh, Phan Huy Lê, Tạ Chí Đại Trường..., về *lịch sử Công giáo* chủ yếu được các linh mục như Nguyễn Hồng, Hồng Lam, Nguyễn Khắc Xuyên, Đỗ Quang Chính, Cao Thế Dung, Bùi Đức Sinh... biên soạn. Bên cạnh đó ghi nhận công trình nghiên cứu của các nhà nghiên cứu Hà Nội như Nguyễn Văn Kiệm, Nguyễn Quang Hưng, cũng như các công trình chuyên sâu về tôn giáo ở Việt Nam của tác giả Đỗ Quang Hưng... Gần đây nhất, sau nhiều năm (trước đó đã được công bố phần nào trên Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*), *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam* (2 tập, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008) của tác giả Trương Bá Cần cũng đã được xuất bản, góp thêm vào nghiên cứu lịch sử Công giáo ở Việt Nam...

2.2.2. Về quan hệ quốc tế và thương mại

Có thể nói, so với những nghiên cứu dày dặn về Công giáo trên đây, nghiên cứu về hoạt động đối ngoại và thương mại của người Pháp ở Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII lại khá hiếm hoi. Nếu như P.Haudrère, một trong những chuyên gia lớn về thương mại của Pháp, trong nhiều năm đã tập trung nghiên cứu về hoạt động buôn bán của Pháp thông qua Công ty Đông Ấn Pháp (CIO) trên phạm vi thế giới, tuy nhiên đối với Việt Nam nói riêng và Viễn Đông nói chung lại chưa được tập trung nhiều. Công trình nghiên cứu của C.Maybon trên cơ sở khai thác từ nhiều nguồn tư liệu đã phần nào cho thấy tình hình hoạt động của Công ty Đông Ấn Pháp ở Đại Việt. Nhất là, công trình được coi là nền tảng cho việc nghiên cứu có thể kể

đến F.Mantienne, trong đó tác giả tập trung nghiên cứu quan hệ chính trị và thương mại của Pháp thế kỷ XVII trên cơ sở kho tư liệu của AMEP cũng như AOM...

Nghiên cứu tình hình đối ngoại, nhất là ngoại thương ở Việt Nam đã đạt được một số thành tựu rất đáng kể. Tuy vậy, quan hệ giữa Pháp và Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII trên thực tế cho đến nay vẫn còn là khoảng trống trong nghiên cứu. Từ lâu các tác giả như Phan Khoang, Thành Thế Vỹ... đã từng đề cập đến tình hình ngoại thương Việt Nam, hay mở rộng ra là những liên hệ chính trị, tôn giáo... trong đó có tập trung vào quan hệ với Pháp. Tuy vậy, những nghiên cứu đó vẫn chỉ mang tính chất giới thiệu, coi đó là một phần nằm trong tổng thể lịch sử bang giao quốc tế của Việt Nam, hay gần hơn là quan hệ Pháp - Việt Nam... Những hạn chế trong nghiên cứu quan hệ thương mại ở Việt Nam có thể nhận thấy được phần nào trong tình hình nghiên cứu chung ở nước ngoài, cũng như thực tế lịch sử giao thương hai nước. Từ cuối thế kỷ XVIII, quan hệ Pháp - Việt Nam đã được đề cập toàn diện hơn trên hầu hết các lĩnh vực. Do đặc điểm lịch sử, bối cảnh trong nước và khu vực, các hoạt động đối ngoại của Pháp nhìn chung bị chi phối từ những vấn đề tôn giáo. Lúc này, các liên hệ về chính trị và tôn giáo trở thành đặc điểm chi phối, và thực tế đã được phản ánh trong nhiều công trình nghiên cứu giai đoạn này.

2.3. Báo, tạp san, tạp chí...

Một nguồn tư liệu khác rất có giá trị tham khảo ngoài các công trình sách trên đây là báo/chí... Về mảng tiếng Pháp, nếu như so với báo chí giai đoạn từ sau khi chính quyền thực dân Pháp chính thức xác lập chủ quyền trên toàn lãnh thổ Đông Dương thì báo chí viết về thời kỳ tiền thực dân thực sự chưa có nhiều công trình nghiên cứu. Cho tới trước khi có sự xuất hiện các tạp chí tiếng Việt, cũng như so sánh với các tạp chí tiếng Pháp khác (AEO, AELP, *T'oung Pao*, RI, BEFEO, BSEI...) về giai đoạn này, nguồn tư liệu BAVH là nguồn tư liệu rất phong phú (từ thư viện Quốc gia Pháp, thư viện MEP, Kho lưu trữ tòa thánh La Mã...), đa dạng (từ chữ Hán, Nôm, Ấn - Âu, La tinh, Ý, Tây Ban Nha...), có giá trị về nhiều mặt.

Hai tập tư liệu gốc khác cũng rất quý và khó trong cả việc tiếp cận cũng như việc sử dụng nội dung, thứ nhất là bộ *Lettres édifiantes et curieuses (Những bức thư khuyên thiện và kỳ thú)*. Đây là các bức thư tập hợp lại được gửi về Âu châu của các giáo sĩ Dòng Tên ở Trung Quốc, xứ Đông Ấn, châu Mỹ... trong thời gian từ 1702 - 1776. Trong các tập đó, có tập 4 liên quan đến Á châu, và tập 6 *Nouvelles lettres édifiantes* (liên quan đến Trung Quốc và Đông Ấn, xuất bản ở Paris năm 1821) cung cấp rất nhiều thông tin hữu ích về tình hình tôn giáo ở đây mà trước nay vẫn chưa được khai thác nhiều. Thứ hai là tập *Annales de la propagation de la foi* (APF - *Biên niên công cuộc truyền bá niềm tin*) xuất bản ở Pháp năm 1825. Đây là báo cáo định kỳ (thường niên) gửi về Pháp cho biết tình hình và sứ mệnh truyền giáo ở những nơi đó.

Trong khi đó, các bài khảo cứu bằng tiếng Việt chưa thực sự được quan tâm nhiều về chủ đề liên hệ Pháp - Việt Nam thời gian này. Tập trung nhất vẫn là các bài có tính chất so sánh hay khía cạnh có liên quan, tuy vậy cũng giúp ích trong việc tiếp cận so sánh khu vực. Những công trình đó phần nhiều được công bố trên *Nghiên cứu Lịch sử*... Ngoài các tờ báo chữ Quốc ngữ trước năm 1954, cũng đã sớm có một số tập san xuất hiện ở Sài Gòn, Huế... Cùng với tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, *Nghiên cứu Tôn giáo*... nhìn chung các tập san/tạp chí về lịch sử Pháp - Việt Nam giai đoạn này còn khá phân tán và chưa nhiều.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nguyên nhân của quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam và hệ quả của quá trình đó.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về *phạm vi nghiên cứu*, đề tài tập trung vào quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam qua liên hệ chính về thương mại - truyền giáo, quan hệ quốc tế của hai nước cho đến trước khi xảy ra cuộc chiến tranh xâm lược. Về *phạm vi thời gian*, đề tài nghiên cứu quá trình xâm nhập của Pháp từ thập niên 60-70 thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ mối quan hệ tương tác đặc biệt giữa Hội Truyền giáo nước ngoài Paris với toàn bộ hoạt động của Công ty Đông Ấn Pháp; Phân tích rõ sự chuyển biến về kinh tế, chính trị căn bản thế kỷ XVI-XVIII ở Việt Nam và Pháp.

Làm rõ thế cân bằng quyền lực, thay đổi trong cơ chế quyền lực giữa Pháp với Việt Nam; Thái độ ứng đối, chính sách của Việt Nam trong đối sánh các nước châu Á, Pháp và các quốc gia khác ở châu Âu.

Phân tích rõ và lý giải nguyên nhân đồng thời tại sao và trong bối cảnh nào Pháp can thiệp quân sự vào giữa thế kỷ XIX cùng những hệ quả chính trị - xã hội và quân sự của nó.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng hợp, hệ thống hóa kết quả nghiên cứu về hoạt động thương mại và truyền giáo của Công ty Đông Ấn Pháp và Hội truyền giáo nước ngoài Paris ở Việt Nam; Tiếp cận vấn đề đa diện, cách tiếp cận đa ngành, liên ngành, nghiên cứu so sánh khu vực; hạn chế mức độ tác động theo thời gian cũng như trong nhận thức của các quan điểm nghiên cứu trái ngược để đạt đến những nhận thức hệ thống và toàn diện trên cơ sở của quan điểm đổi mới tư duy sử học, tư duy phức.

5. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

5.1. Nguồn tư liệu

Sử liệu gốc (tư liệu cấp 1): các hồi kỳ, du ký các tác phẩm đương thời, báo chí đương thời, tư liệu trực tiếp.

Tư liệu lưu trữ: Các tư liệu chưa được công bố (inéдите) hay chưa được rộng rãi, lưu hành nội bộ hay tài liệu nghiên cứu hạn chế.

Các công trình nghiên cứu, tham khảo nghiên cứu gián tiếp...

Nguồn tư liệu được sử dụng chủ yếu là tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Là một đề tài lịch sử, các *Phương pháp nghiên cứu của khoa học lịch sử* được sử dụng là phương pháp chủ đạo. Xuất phát từ quan điểm khảo cứu theo những lát cắt lịch sử, đặt sự kiện trong tổng thể khu vực, thế giới theo cái nhìn đồng đại để đối chiếu, nhận xét, *Phương pháp so sánh* và tiếp cận khu vực cũng được chú ý vận dụng. Coi Việt Nam là một quốc gia ven biển Thái Bình Dương, Luận án không chỉ có cái nhìn "lục địa", tức khảo cứu những vận động kinh tế - xã hội, sự biến chính trị bên trong mà còn rất chú ý đến những yếu tố ngoại sinh, tác nhân bên ngoài. Theo đó, *hướng tiếp cận ngoại vi* cũng được coi trọng.

Trên cơ sở phân tích các số liệu trong giao thương, *Phương pháp thống kê, phân tích văn bản* được sử dụng nhằm phác họa lại bức tranh kinh tế Pháp - Việt Nam trong vòng một thế kỷ buôn bán. Mặt khác, với việc định rõ tính chất và quá trình xâm nhập của MEP vào Việt Nam, để có thể đưa ra những nhận định tổng quát, lập luận khoa học phải được dựa trên những căn cứ logic khoa học, do vậy *phương pháp logic* được coi trọng khi đánh giá về những chuyển biến của lịch sử Việt Nam ở từng giai đoạn phát triển. Tác giả Luận án lưu ý đến việc *Tiếp cận liên ngành* Sử học, Dân tộc học, Tôn giáo học..., đặc biệt *Phương pháp nghiên cứu hệ thống cấu trúc* giúp tác giả có thể nhận diện tương đối đầy đủ về một vấn đề lịch sử với những quan điểm liên ngành và hệ thống.

6. Đóng góp của Luận án

Luận án dựng lại bức tranh quan hệ Pháp - Việt Nam giai đoạn tiền thực dân (tiền xâm lược); thấy rõ được nguyên nhân và hệ quả của quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam từ cuối thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX, từ đó khóa lấp phần khoảng trống trong nhận thức lịch sử ở cả Pháp và Việt Nam thời đoạn trên.

7. Bố cục Luận án

Ngoài các phần: Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, Luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Bối cảnh kinh tế, văn hóa - xã hội của Pháp và Việt Nam thế kỷ XVII.

Chương 2: Sự thâm nhập người Pháp vào Việt Nam từ giữa thế kỷ XVII đến nửa sau thế kỷ XVIII.

Chương 3: Sự xâm nhập của Pháp vào Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX.

Chương 4: Hệ quả quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam: Can thiệp quân sự và hệ quả chính trị - xã hội.

Chương 1

BỐI CẢNH KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI CỦA PHÁP VÀ VIỆT NAM THẾ KỶ XVII

1.1 Tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội Pháp

1.1.1. Bối cảnh châu Âu và nước Pháp

Theo các nhà nghiên cứu, lịch sử thế giới với trung tâm là châu Âu thế kỷ XVI-XVII đã được biểu hiện qua ba sự biến đổi rất đáng chú ý: Thứ nhất là các cuộc đại *phát kiến địa lý*; thứ hai là *trào lưu văn hóa phục hưng*, nó như một cuộc cách mạng tinh thần, mở đường cho những biến đổi xã hội căn bản sẽ diễn ra; thứ ba là *phong trào cải cách tôn giáo*, cùng chiến tranh nông dân, trở thành hai trào lưu tôn giáo - xã hội quyết liệt nhất đương thời, làm rung chuyển tận gốc chế độ phong kiến, mở đường cho một trật tự xã hội - tư tưởng mới. Như là hệ quả của "ba làn sóng", Tây Âu đã trải qua ba cuộc cách mạng làm thay đổi căn bản mô hình phát triển của lịch sử nhân loại.

Nằm trong sự chuyển mình chung đó, nước Pháp dưới các triều vua Henri và Louis đã có những thay đổi lớn trên tất cả các phương diện, vừa mang đặc điểm chung khu vực, vừa có những nét riêng biệt từ quá trình vận động nội tại. Nhất là dưới thời Louis XIV, nước Pháp được coi là tiêu biểu nhất cho chế độ chuyên chế. Phương cách cai trị và chuyên chế kiểu Pháp đã lan sang khắp châu Âu, là mẫu hình, một nhà nước kiểu mẫu.

1.1.2. Chính sách thương nghiệp của Pháp

Vào giữa thế kỷ XVII, tiềm năng kinh tế của Pháp một phần dựa trên dân số đông với số lượng lao động dồi dào, điều kiện tự nhiên thuận lợi, bên cạnh đó là các sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp đa dạng... Ở Pháp, triều đình đã ban hành nhiều chính sách nhằm kích thích buôn bán, đồng thời sớm áp dụng và phổ biến chủ nghĩa Trọng thương. Từ cái nhìn so sánh khu vực, những biện pháp của chính sách Trọng thương mang tính can thiệp ở Pháp thể hiện rõ sự can thiệp trực tiếp của triều đình, cũng như mang "tính hệ thống" hơn.

Dưới sự dẫn dắt về kinh tế của Richelieu và J.B. Colbert, Pháp chủ trương mở rộng thương mại biển và bành trướng về kinh tế. J.B.Colbert đã cho thành lập nhiều công ty hàng hải. Đối với hoạt động buôn bán ở vùng Ấn Độ Dương và Viễn Đông, tháng 8-1664, Công ty Đông Ấn Pháp (CIO) đã được thành lập dựa theo mô

hình của Công ty Đông Ấn Anh (EIC, lập năm 1600) và Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC, lập năm 1602). Tuy vậy, kết quả buôn bán của các công ty đã không đem lại như mong đợi của Colbert do nhiều nguyên nhân. Trong quá trình thâm nhập của Pháp vào Viễn Đông, vai trò kinh tế của CIO lại rất hạn chế, và thực tiễn hoạt động cho thấy luôn gắn bó mật thiết với MEP.

1.1.3. Từ Chế độ Bảo trợ sang Chế độ Tông tòa

Quyền Bảo trợ (*Jus patronatus, Droit de patronage, hay padroado*) là một khái niệm pháp lý và thực tế có từ sớm trong lịch sử giáo hội. Cùng với thời gian khái niệm, nội hàm của quyền này cũng có như thay đổi mạnh mẽ và dần bị thay thế. Năm 1622, Giáo hoàng Gregorio XV lập Bộ chính thức quy chế hoạt động, và tên gọi Bộ Truyền giáo (thường chỉ viết tắt là *Propaganda*). Việc thành lập Bộ Truyền giáo là một thay đổi lớn trong giáo hội. Đối với xứ Đông Ấn, Bộ Truyền giáo muốn lập các giáo phận ở đây trực thuộc hoàn toàn Bộ và Giáo hoàng, không còn bị chế độ bảo trợ Bồ Đào Nha chi phối nặng nề như trước nên đã lập "cơ chế" mới - cơ chế đại diện Tông tòa (*vicarius apostolicus*). Sau nhiều năm vận động, cuối tháng 7-1658, Giáo hoàng chính thức bổ nhiệm F.Pallu làm Giám mục hiệu tòa Héliopolis, Lambert de la Motte là Giám mục hiệu tòa Béryste, cả hai đều là giám mục trong phần đất dân ngoại. Để hỗ trợ hơn nữa cho hoạt động của những đại diện tông tòa, năm 1664, Hội Truyền giáo nước ngoài Paris (MEP) chính thức hình thành, là bước ngoặt cho lịch sử quan hệ Pháp - Việt Nam về sau.

1.2. Bối cảnh kinh tế, văn hóa - xã hội Đại Việt

1.2.1. Tình hình kinh tế - xã hội

Cho đến khoảng giữa thế kỷ XVI, Đại Việt hình thành một cục diện mới với sự tồn tại song song của hai vương triều mà sử sách Việt Nam vẫn gọi là Nam - Bắc triều. Cuộc phân ly 50 năm đó đã dẫn đến các cuộc nội chiến giữa nhà Mạc ở Thăng Long và triều Lê Trung Hưng từ Thanh Hoá trở vào. Sau đó, một cục diện chính trị mới lại hình thành: Đàng Trong (chúa Nguyễn) và Đàng Ngoài (vua Lê - chúa Trịnh). Ở Đàng Trong, đầu thế kỷ XVII, sau một thời kỳ khai phá, vùng đất Thuận - Quảng ngày càng được mở rộng. Để đáp ứng nhu cầu của nhà nước và đòi hỏi phát triển quy mô kinh tế, cả Đàng Trong và Đàng Ngoài tập trung phát triển nền thương nghiệp. Về ngoại thương, thế kỷ XVI-XVII là thời kỳ hoàng kim của "thương mại Biển Đông". Nhờ vị trí và đặc điểm của mình, Đại Việt có điều kiện và sớm hội nhập mạnh mẽ vào hệ thống buôn bán này. Sự hưng khởi của các đô thị thế kỷ XVII ở Đàng Ngoài và Đàng Trong là một hiện tượng lịch sử đặc biệt chưa xảy ra trước đó và cũng không lặp lại sau này.

1.2.2. Chuyển biến văn hóa - tư tưởng

Cho đến đầu thế kỷ XVI, Nho giáo trên danh nghĩa là bộ đỡ và là nền tảng tư tưởng chính thống trong xã hội Đại Việt. Tuy nhiên, ý thức hệ Nho giáo ngày càng

suy giảm và chỉ còn trên danh nghĩa. Thế kỷ XVI-XVII được coi là thời kỳ phục hưng Phật giáo ở Việt Nam. Là một trong "*tam giáo đồng nguyên*", Đạo giáo cũng được sùng mộ.

Việc đạo Thiên chúa có thể dễ dàng bắt nhịp với các tín ngưỡng bản địa có thể thấy, các nhà truyền giáo đã thấu hiểu và dựa vào tâm lý của các tầng lớp dân chúng lúc này. Hầu hết các ghi chép của giáo sĩ Tây phương đều cho thấy điều kiện thuận lợi cho việc du nhập một tôn giáo mới. Trong bối cảnh khu vực và quốc tế đó, thế kỷ XVI-XVII là một thế kỷ đầy biến động và bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam có sự thay đổi khá độc đáo, dường như là nghịch lý. Việc phân cát của Đàng Trong cũng là một hiện tượng hết sức độc đáo của Đại Việt thời kỳ này. Từ thực tế biểu hiện, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đây là lần trở về với "Thế giới Đông Nam Á", mô hình kinh tế Đàng Trong trong thời gian này mang nhiều dáng nét của cư dân Đông Nam Á.

Tiểu kết

Sau quá trình biến chuyển mạnh mẽ, sự trỗi dậy của phương Tây đã dẫn tới buổi bình minh của một nền văn minh toàn cầu - nền văn minh được xác lập, định hình và thống trị của các quốc gia Tây Âu. Trong sự vận động chung đó, nước Pháp có những đặc điểm phát triển khá đặc thù. Và liên quan đến xứ Đông Ấn, người Pháp đã góp công hình thành một chế độ truyền giáo mới - cơ chế Đại diện Tông tòa thay thế cho chế độ Bảo trợ trước đó.

Trước những biến chuyển nội tại, nhiều khi nghịch lý, có thể nói lần đầu tiên trong lịch sử Đại Việt, quá trình tiếp xúc, giao lưu được cởi mở mạnh mẽ ở cả hai phương diện: ngoại thương và truyền giáo, trên cơ sở quá trình bản địa hóa rất thành công của những giáo sĩ Dòng Tên. Trong bối cảnh lịch sử đó, thâm nhập của Pháp là quá trình "*giao lưu kép*" phức tạp, đan xen giữa thâm hóa và xung đột, khoan dung và cấm đoán, khó khăn nhiều hơn thuận lợi, tuy chậm nhưng đã dần tạo được những tiền đề vững vàng ban đầu.

Chương 2

SỰ THÂM NHẬP CỦA NGƯỜI PHÁP VÀO VIỆT NAM TỪ GIỮA THẾ KỶ XVII ĐẾN NỬA SAU THẾ KỶ XVIII

2.1. Quan hệ Pháp - Việt Nam trong nửa sau thế kỷ XVII

2.1.1. Hoạt động của Công ty Đông Ấn Pháp ở Đàng Ngoài

Cho đến cuối thế kỷ XVII, Hà Lan vẫn là cường quốc hàng hải lớn nhất. Sự lấn lướt trên địa hạt thương mại đó đã khiến cho các nước châu Âu phải có những điều chỉnh cần thiết nếu không muốn ngày càng bị thua thiệt trong bối cảnh kinh tế thế giới lúc này.

Trước khi thâm nhập vào thị trường Đại Việt, những thông tin về hoạt động buôn bán cũng như sản phẩm hàng hóa đa dạng ở xứ sở này đã được người Pháp biết đến ít nhiều thông qua các công ty của Hà Lan, Anh... Năm 1669 một thương thuyền do thuyền trưởng Junet chỉ huy khởi hành từ Xiêm đến Đàng Ngoài. Đoàn người được đón tiếp trọng thị và cũng nhận được lời hứa hẹn về thương mại từ chính quyền Lê - Trịnh. Chúa Trịnh đồng ý cho lập một trụ sở ở Phố Hiến. Tuy nhiên, sau nhiều biến cố, cùng sự hạn chế trong các hoạt động của thương nhân Pháp, buôn bán giữa CIO với Đàng Ngoài chỉ dừng lại ở kết quả rất khiêm tốn.

2.1.2. Quá trình thâm nhập và xác lập giáo phận của Hội truyền giáo nước ngoài Paris

Cho dù có bị phản đối mạnh mẽ từ phía Bồ Đào Nha, các linh mục người Pháp đã chính thức được Giáo hoàng phong Giám mục (triều), trực thuộc Bộ Truyền giáo. Trong thời gian ở Xiêm, các giáo sĩ người Pháp này đã hiểu ít nhiều về tình hình tôn giáo ở Đàng Trong. Từ sau thập niên 70 của thế kỷ XVII, nhìn chung vị trí và vai trò của giáo sĩ người Pháp vẫn đang trong quá trình củng cố.

Một vấn đề khác cũng liên quan đến hoạt động của các thừa sai người Pháp là cách sắp xếp, tổ chức, cơ cấu hoạt động và các linh mục người Việt sơ khởi, cùng với đó là việc phong linh mục đầu tiên cho người Việt... Nhìn lại kết quả hoạt động của thừa sai MEP giai đoạn này, có thể nhận thấy công cuộc truyền giáo ở Đàng Trong đã do thừa sai Pháp thuộc MEP thực hiện, giáo hội bản địa bắt đầu đi vào nền nếp dù đóng góp của linh mục người Việt chưa nhiều.

2.2. Quan hệ Pháp - Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XVIII

2.2.1. Hoạt động của Công ty Đông Ấn Pháp ở Đàng Trong

Sau những kết quả rất khiêm tốn ở Đàng Ngoài, cùng với sự rút lui liên tiếp của Anh và Hà Lan, để có thể đáp ứng những thay đổi trong nước cũng như tình hình buôn bán ở hải ngoại, CIO đã có sự chuyển hướng quan trọng với điểm đến là một số thương cảng lớn ở Đàng Trong. Mặc dù người Pháp vẫn để những "đại diện" ở Đàng Ngoài, nhưng trong xu thế chung, họ cũng đã chuyển hướng mạnh hơn vào Đàng Trong và chính thức có những bước đi ngoại giao với chính quyền họ Nguyễn. Ngoài ý nghĩa tranh giành ảnh hưởng với người Anh, từ cuối thế kỷ XVII, Pháp đã chú ý tới các địa điểm ở đây cho những mục tiêu khác nhau. Tuy vậy, người Pháp vẫn chưa thể đưa ra kế hoạch nào trong vài thập niên đầu thế kỷ XVIII, kể cả chuyến đi thương nghị của Pierre Poivre năm 1749, thậm chí còn nhiều vấn đề đàng sau chuyến đi này.

2.2.2. Xung quanh chuyến đi của Pierre Poivre

Từ năm 1761-1765, nếu như hoạt động của CIO ở đây bị ngưng trệ, lúc này triều đình Pháp bắt đầu có những động thái tích cực hơn cho xứ Đông Ấn. Chính sự lấn lướt của người Anh đã kích động mối lo của triều đình Pháp. Người ta nghiên

cứu lại hồ sơ của CIO, tham vấn ý kiến cá nhân và đặc biệt có tính cả phương án vũ trang. Phúc đáp của Poivre 'không chút mập mờ' nhấn mạnh nhiều lần đến sức mạnh quân đội, chỉ có nó mới đảm bảo thành công. Tuy vậy, trong bối cảnh hiện tồn, tính toán đến bối cảnh trong nước, khu vực, chúng tôi cho rằng không có căn cứ khi đề cập đến việc lập thuộc địa thành công của Pháp trong thời gian này nếu dự án buôn bán của Poivre thành công vào giữa thế kỷ XVIII.

2.2.3. Tình hình hoạt động của Hội truyền giáo nước ngoài Paris

Đầu thế kỷ XVIII, Hội truyền giáo nước ngoài Paris ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn một phần do Tòa thánh tìm cách hạn chế độc quyền của các thừa sai thuộc MEP bằng cách bổ nhiệm giám mục địa phận ở Đàng Ngoài và Đàng Trong thuộc các dòng tu khác nhau. Đối với các thừa sai MEP, dưới thời cai quản của giám mục A.de Alexandris vai trò của thừa sai Pháp có sự xáo trộn mạnh, cùng các vấn đề xung quanh khác như việc không chấp nhận giữa các giáo sĩ mang quốc tịch khác nhau; Vấn đề thống nhất các nghi thức tôn giáo của các dòng tu; Quan hệ với tín ngưỡng của người Việt - thờ cúng tổ tiên... Đời sống tôn giáo ở Đàng Trong cũng chứng kiến sự tranh chấp mới giữa MEP, Dòng Tên và Dòng Phanxicô. Trong khi đó tại Đàng Ngoài, đầu thế kỷ XVIII, do chính sách cấm đạo hầu hết các nhà thờ đều bị phá, hay tịch thu, song số lượng giáo dân vẫn tăng lên. Trong khi đó ở giáo phận Đàng Ngoài, ảnh hưởng của MEP chưa thực sự đáng kể.

2.3. Sự rút lui của thương nhân Pháp giữa thế kỷ XVIII

Từ giữa thế kỷ XVIII, chủ trương phát triển thương mại của triều đình Pháp đối với các quốc gia Viễn Đông đã có sự thay đổi lớn, điển hình là gợi ý của P.Poivre. Có thể nói, sau cuộc Chiến tranh bảy năm, Anh trở thành một đế chế thực dân hàng đầu, kiểm soát nhiều thuộc địa, còn vị thế của Pháp suy sụp nhanh chóng, nhất là ở châu Mỹ. Dưới góc độ lịch sử quan hệ quốc tế, cuộc đấu tranh giành vai trò thống trị trong đời sống chính trị quốc tế giữa Anh và Pháp diễn ra trong suốt thế kỷ XVIII. Qua các cuộc chiến tranh lớn, nước Anh mở rộng lãnh địa hải ngoại bằng tranh cướp thuộc địa trở thành cường quốc thực dân hạng nhất. Nguyên nhân của sự rút lui của thương nhân Pháp còn được nhìn ở nội tình nước Pháp, từ bản thân CIO và nội tình Đại Việt. Nhìn chung có thể nhận thấy là rất khó cho không chỉ Pháp, hay nước phương Tây nào khác có thể thiết lập được quan hệ buôn bán thường xuyên với chính quyền Đại Việt.

Tiểu kết

Từ thực tế hoạt động buôn bán của Pháp ở Đại Việt, trong nửa sau thế kỷ XVII, hoạt động buôn bán của CIO diễn ra ở Đàng Ngoài, còn nửa đầu thế kỷ XVIII, hoạt động của CIO chuyển trọng tâm vào Đàng Trong. Đồng thời hình thái quản lý ở Đại Việt cũng quy định đến tính chất, phạm vi và tổ chức truyền giáo khác biệt ở mỗi miền, nhất là thập niên 40 thế kỷ XVIII về sau. Mặt khác, có thể

nhận thấy yếu tố chính trị bên cạnh những vấn đề về thương mại và truyền giáo đã được đặt ra ở tầm mức khác nhau, thậm chí cả việc chiếm đóng thuộc địa cũng đã được nhìn nhận nhưng chưa định hình rõ ràng. Hơn nữa, đặc tính cũng như tính chất quan hệ phức tạp giữa các nước châu Âu đã được bộc lộ khá rõ nét. Ngay từ lúc này, các nhà cầm quyền Đại Việt đã mang trên vai trọng trách không nhỏ khi cùng một lúc phải giải quyết, xử lý và điều phối nhiều vấn đề trong hoạt động đối ngoại. Không chỉ trong thời gian nội chiến sau này mà cả sau khi bình định, thống nhất, họ Nguyễn cũng rất khó có thể đưa ra được phương cách ứng đối hữu hiệu nhất, nhất là lại ở trong bối cảnh xâm nhập ngày càng mạnh mẽ của chủ nghĩa phương Tây nhất là từ cuối thế kỷ XVIII về sau.

Chương 3

SỰ XÂM NHẬP CỦA PHÁP VÀO VIỆT NAM TỪ NỬA SAU THẾ KỶ XVIII ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX

3.1. Những liên hệ Pháp - Việt Nam cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX

3.1.1. Những biến động chính trị - xã hội ở Pháp và Việt Nam cuối thế kỷ XVIII

Cho đến cuối thế kỷ XVIII ở Pháp, các cuộc khủng hoảng chính trị, kinh tế - xã hội, sự lớn mạnh của phong trào Khai sáng (triết học Ánh sáng), không khí bất mãn của dân chúng khôn cùng, cuộc bạo động ở thành thị... là tình cảnh tiêu biểu nhất đêm trước của Cuộc cách mạng. Ngày 14-7-1789, quần chúng đã đứng lên phá ngục Bastille. Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* được ban hành ngày 14-9-1791. Sau các cuộc biến động chính trị, đến cuối năm 1795, Ủy ban Đốc chính lên điều hành ở Pháp. Rốt cuộc bằng cuộc chính biến ngày 18-11-1799, Napoléon phế truất chính phủ Đốc chính, lập ra chính phủ lâm thời. Chế độ Tổng tài ra đời, đánh dấu chấm dứt cuộc Đại cách mạng Pháp.

Ở Đại Việt, cùng vận động trong bối cảnh chung của khu vực và thế giới, cuộc chiến Đàng Ngoài - Đàng Trong ở Đại Việt sau một thời gian hòa bình, chính thể đại diện suy yếu và đi vào giai đoạn suy thoái trầm trọng. Với sự suy yếu của chính quyền trung ương, cũng như những tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội, thời kỳ này chứng kiến ở cả hai miền các cuộc nổi dậy nông dân với mức độ quy mô ngày càng rộng lớn. Đỉnh cao của những mâu thuẫn nội tại là sự bùng nổ của phong trào nông dân Tây Sơn.

3.1.2. Những liên hệ của Pháp ở Việt Nam cuối thế kỷ XVIII

3.1.2.1. Pigneau de Béhaine với những can thiệp ở Việt Nam

Trước nội tình đang diễn ra ở Đại Việt, Giám mục Adran đã lập một "kế hoạch chính trị": Pigneau sẽ giúp Nguyễn Ánh đang thất thế trở lại ngôi vua, nhân đó cải giáo cho Nguyễn Ánh rồi biến Đàng Trong thành một quốc gia Công giáo.

Vai trò của Pigneau chỉ thực sự bắt đầu từ năm 1776 khi Nguyễn Ánh chiếm lại Gia Định và một số địa điểm khác. Giám mục này ra sức giúp tổ chức lại quân đội, xây pháo đài, huấn luyện binh lính theo phương pháp Âu châu... Sau khi liên tiếp bị quân đội Tây Sơn, rốt cuộc Nguyễn Ánh đã thuận theo sự gợi ý của Pigneau trước đây, đồng ý để Hoàng tử Cảnh cùng sang Pháp năm 1784. Sau thất bại của Hiệp ước Versailles năm 1787, bằng số tiền được triều đình cấp trước đó, Pigneau đã dùng mua súng đạn, tuyển mộ binh lính theo về Đàng Trong... Tuy vậy, Pigneau de Béhaine bị bệnh và qua đời để lại sau lưng kế hoạch hậu chiến còn dang dở.

3.1.2.2. Chính sách của nhà cầm quyền Pháp

Nhìn chung, chính quyền Pháp lúc đó chưa thể có được những tính toán về các vấn đề ở hải ngoại. Nước Pháp trong những năm trước Cách mạng lâm vào tình huống hết sức rối ren. Tài chính kiệt quệ, uy tín của hoàng gia Pháp ngày càng suy yếu, tranh giành giữa tư sản với quý tộc, tầng lớp, quần chúng nhân dân ngày càng trở nên gay gắt. Giáo hội Pháp xáo trộn mạnh mẽ và phân hóa sâu sắc. Với viễn cảnh ở hải ngoại, do lái thương và giáo sĩ lôi cuốn, triều đình Pháp qua đại diện của mình đã đứng ra ký Hiệp ước với một chính quyền ở châu Á. Nhưng hệ quả tất yếu, gánh nặng tài chính cùng diễn biến nội tình ở Pháp diễn biến mau lẹ, vua Louis XVI và triều đình không thể phiêu lưu ở vùng đất xa xôi, đã đình chỉ cuộc can thiệp vào nội tình ở Đại Việt lúc này.

3.1.3. Nhà cầm quyền Việt Nam với những liên hệ của người Pháp

3.1.3.1. Chính sách của nhà Tây Sơn đối với người Pháp

Trong thời buổi chiến tranh loạn lạc, các hợp đồng buôn bán cũng được giới thương nhân châu Âu chào mời song đều không thành công. Trong bối cảnh nội chiến, thương gia châu Âu làm giàu bằng cách bán vũ khí cho cả hai phe Nguyễn Ánh - Tây Sơn. Mặt khác, theo các tư liệu còn lại, nhà Tây Sơn nhìn chung cũng tỏ ra rất quan tâm tới kỹ thuật quân sự phương Tây. Trên cơ sở thư từ qua lại giữa các giáo sĩ thời gian này, dường như có một thực tế cuộc bắt đạo dưới thời Tây Sơn "không được áp dụng một cách triệt để" kể cả vào các năm 1785, 1798.

3.1.3.2. Nguyễn Ánh với công cuộc truyền giáo của người Pháp

Chịu ơn trực tiếp từ Giám mục Adran nên trong thời gian trị vì của Nguyễn Ánh, giáo sĩ được tự do truyền đạo. Thái độ trọng thị đó của Nguyễn Ánh bù lại những năm tháng trốn chạy, và Công giáo thời gian này được đánh giá là thuận lợi nhất trước nay. Tuy vậy, những mâu thuẫn và động thái trái chiều, thái độ của Nguyễn Ánh - Gia Long với vấn đề người Pháp cũng đã dần được bộc lộ mặc dù còn chưa thực sự rõ rệt.

3.2. Quan tâm của Pháp, quan ngại của chính quyền nhà Nguyễn và xung đột quân sự đầu tiên (giai đoạn 1804-1848)

3.2.1. Nỗ lực tăng cường xúc tiến thương mại của Pháp với Việt Nam

Từ lâu, mối quan tâm của Pháp ở Viễn Đông chưa đem lại kết quả dù trên thực tế, các quan chức cao cấp trong triều đình Pháp đã phác họa kế hoạch cho các cuộc viễn chinh của Pháp song do nhiều nguyên nhân đều không thành. Lịch sử Pháp khoảng 2 thập niên đầu là thời gian giành cho những vấn đề ở châu Âu với cuộc đại chiến giữa Pháp với các nước châu Âu, nhất là Anh quốc. Các chuyến đi thương nghị của các hãng buôn Pháp hay châu Âu khác đều thất bại, chính quyền nhà Nguyễn đều có những lý do khước từ.

3.2.2. Tình hình của Hội truyền giáo nước ngoài Paris

Giáo hội Pháp cuối thế kỷ XVIII đã bị tác động mạnh mẽ từ chuyển biến chính trị - xã hội, nhất là sau khi ban hành bản *Dân hiến về giáo sĩ*, chính quyền cắt đứt liên hệ với Tòa thánh, thu hẹp mọi đặc quyền kinh tế, chính trị, văn hóa giáo dục của giáo hội, cổ vũ phong trào "phi Công giáo hóa", tục hóa ở châu Âu, trào lưu tự do Công giáo... Cách mạng Pháp đã mở đầu kỷ nguyên "Giải Kitô hữu".

Cùng với sự thay lập ở Pháp là những thay đổi trong chính sách đối với Công giáo ở Pháp từ thời kỳ Đốc chính. Thời kỳ này, chính quyền đã nỗ lực thực thi chính sách hòa hợp với Tòa thánh. Tuy nhiên, Napoléon I có ý muốn lấn lướt Giáo hoàng, nhưng để củng cố chính quyền và trật tự xã hội, về hình thức tỏ ra rất cần đến vai trò tinh thần của Giáo hoàng Pius VII. Mặt khác trong thời kỳ Đốc chính, Giáo hội Pháp suy yếu, không đủ tài chính và các nhà truyền giảng, chủng viện bị đóng cửa... Năm 1805, Hoàng đế cho mở lại Chủng viện MEP, nhưng phải đến đầu thập niên 20, 30 hoạt động của tổ chức này thể phục hồi trở lại.

3.2.3. Chính sách của nhà Nguyễn

Sau khi Gia Long lên ngôi, người Pháp tỏ rõ nhiệt tình cho dự tính thương mại. Tuy vậy, khác với công cuộc truyền giáo, các hoạt động xúc tiến đó đều bị Gia Long từ chối vì nhiều lý do, nhất là âm mưu của Pháp trong việc đòi Gia Long thi hành Hiệp ước năm 1787 đã khiến cho thái độ đối với người Pháp của Gia Long có sự xáo trộn mạnh.

Sau khi Minh Mệnh lên nắm quyền, tình thế của người Pháp nhìn chung thay đổi căn bản. Hoạt động truyền giáo cũng như vấn đề Công giáo Việt Nam đã bước đầu được định hình rõ ràng. Từ đây, các vua triều Nguyễn sau đều có chung một thái độ và biểu hiện tiêu cực hơn đối với Công giáo. Dưới thời Thiệu Trị, ảnh hưởng cuộc Chiến tranh Nha phiến ở Trung Quốc khiến Thiệu Trị hòa hoãn hơn, dù vẫn nối tiếp chính sách cô lập, không cho người phương Tây đặt cơ sở trên lãnh thổ Việt và bài đạo. Sau sự kiện ở Cửa Hàn năm 1847, Công giáo bị triều đình và văn thân đồng hóa với xâm lược của các nước phương Tây: Tây là đạo, đạo là Tây. Cấm đạo còn mang thêm lý do chủ quyền, an ninh quốc phòng.

3.2.4. Cuộc đụng độ vũ trang đầu tiên

Kế hoạch can thiệp bằng vũ lực vào Việt Nam đã được bàn tính từ trước đó qua những cá nhân trong triều và ở hải ngoại. Tuy nhiên, tất cả đều không đạt được do nội tình của nước Pháp. Chuyển động chỉ thực sự bắt đầu với việc sau cuộc Chiến tranh Nha phiến, Pháp muốn chứng tỏ hơn tham vọng đến khu vực này. Sau những thúc ép từ phía sĩ quan hải quân cần thiết trong việc phải có một hành động cụ thể ở Việt Nam, đầu năm 1847, chính quyền Louis Philippe đồng ý có một sự can thiệp mạnh mẽ vào Việt Nam. Sự kiện này được đánh dấu một bước chuyển "từ phạm vi tôn giáo chuyển sang phạm vi chính trị". Một số nhà nghiên cứu nhận định việc hai chiếc tàu Pháp đánh phá ở Việt Nam đánh dấu mốc mở đầu cho cuộc xung đột vũ trang Việt Nam. "Bảo vệ các nhà truyền giáo" chỉ là cái cớ che đậy mưu xâm lăng Việt Nam. Sự kiện đó còn được nhìn nhận như là sự khai trương của đường lối "ngoại giao pháo hạm"...

Tiểu kết

Trong quá trình xâm nhập sang phương Đông, mở rộng các tuyến hải thương quốc tế và truyền giáo sang châu Á, nối gót và cạnh tranh toàn cầu, nước Pháp cũng đẩy mạnh chủ nghĩa bành trướng với phương châm kết hợp việc truyền bá tôn giáo với sự khuyếch trương vinh quang của vua và phát triển buôn bán. Sự kết hợp giữa buôn bán và truyền giáo là khá phức tạp, đan xem giữa thâm hóa và xung đột, khó khăn nhiều hơn thuận lợi, do chính sách cấm đạo ngày càng khắt khe của các chúa Trịnh - Nguyễn và những tranh chấp nội bộ trong các giáo đoàn.

Có thể nói lần đầu tiên, vị thế của người Pháp được chính thức khẳng định trong đời sống chính trị của triều đình Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII. Chỉ gần 50 năm, với việc thừa sai Pháp được tự do truyền đạo, thầy giảng bản xứ và số giáo dân tăng lên từng ngày là thành công lớn nhất cho sự can dự vào đời sống chính trị, văn hóa - xã hội Việt Nam của người Pháp. Tuy nhiên, sự hiện diện của người phương Tây đó, cùng với hoạt động đa dạng là những nguyên nhân căn bản tạo nên xung đột và phản ứng văn hóa sau này. Đó là các mâu thuẫn, xung đột trên các mặt, nhất là cuộc đụng độ quân sự là hệ quả của những xung khắc tích tụ, trên hết là cuộc đối đầu của hai "truyền thống", hai xu thế, trong đó Việt Nam đang cố cưỡng lại trong sự bế tắc của những toan tính và biện pháp lệch hướng và sai lầm.

Chương 4

HỆ QUẢ QUÁ TRÌNH XÂM NHẬP CỦA PHÁP VÀO VIỆT NAM: CAN THIỆP QUÂN SỰ VÀ HỆ QUẢ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

4.1. Viễn Đông trong chính sách đối ngoại của chính quyền

Louis Napoléon Bonaparte

Cho đến thập niên 40-50 thế kỷ XIX, cục diện chính trường Pháp đã định hình với việc Louis Napoléon Bonaparte dần vươn lên và bước lên vũ đài chính trị cao nhất, từ tổng thống (1848) đến ngôi Hoàng đế Pháp (1852). Dưới thời Đế chế II, Pháp đã trở dậy thành cường quốc hải quân, mở rộng và bành trướng ảnh hưởng mạnh mẽ hơn sang Viễn Đông, chính điều đó đã góp phần lớn vào các cuộc tham chiến giành thuộc địa khắp nơi trên thế giới. Trong mối lo về vị trí địa - chiến lược, địa - kinh tế toàn cục, Pháp đã đẩy mạnh công cuộc chinh phục Việt Nam.

4.2. Các bước chuẩn bị và kế hoạch xâm lược của Pháp

Những năm 50 thế kỷ XIX, các thừa sai Pháp vẫn liên tiếp gửi đi những lời xin giúp đỡ hòng cải thiện hiện trạng tôn giáo ở Việt Nam. Sau những hoạt động không mấy hiệu quả của sĩ quan hải quân, giới ngoại giao, giáo sĩ Pháp, đứng trước những tin tức ngày càng "nóng" từ Trung Hoa và Việt Nam đã khiến cho Napoléon III bắt phải nghiên cứu vấn đề xứ Cochinchine một cách cẩn kẽ. Cuối tháng 4-1857, Napoléon III cho lập "Ủy ban về Việt Nam" (*La Commission de la Cochinchine*). Sau một thời gian chuẩn bị, lập kế hoạch và bàn tính rất kỹ càng trên tất cả các khía cạnh, Hoàng đế Pháp quyết định một cuộc can thiệp quân sự vào Việt Nam. Đầu năm 1858, de Genouilly chiếm được Quảng Đông, tháng 5 liên quân Anh - Pháp chiếm được Thiên Tân. Ngày cuối cùng tháng 8-1858, tàu chiến Pháp và Tây Nha Nha đã có mặt ở cảng Đà Nẵng.

4.3. Sự can dự của một số giám mục người Pháp

Từ thập niên 40, các giám mục người Pháp đã có thư về Pháp xin can thiệp để được tự do tôn giáo. Sau này trong Ủy ban về Việt nam, Giám mục Huc đứng lên trình bày rất mạnh mẽ và đã được Napoléon III gặp riêng để thảo luận. Là một trong hai người hoạt động sôi nổi nhất lúc đó, Giám mục F.Pellerin, trong thời gian ở Pháp, hoạt động của giám mục rất đa dạng, từ gặp gỡ những yếu nhân, đến khuấy động sự chú ý của dân chúng thành Paris, mở chiến dịch báo chí... Sự can dự đó góp phần rất đáng kể trong công cuộc can thiệp quân sự của Pháp ở Việt Nam.

4.4. Những mâu thuẫn, xung đột chính trị - xã hội và công cuộc cấm đạo gia tăng ở Việt Nam

Cuộc xung đột quân sự cuối thập niên 40 đã tác động mạnh mẽ đến vua Tự Đức, là bước ngoặt trong những toan tính về vấn đề người Pháp và Công giáo. Những xung đột dai dẳng từ thời Minh Mạng qua cuộc triệt hạ Lê Văn Khôi những năm 30 hay vụ Hồng Bảo cũng là tác nhân cho những căng thẳng trong xã hội. Dưới triều Tự Đức, triều đình còn phải đối phó với nhiều vụ nổi loạn trong nước. Trong khi đó thừa sai người Pháp hoạt động rất mạnh nhưng biện pháp đưa ra lại không quyết liệt nếu so với thời kỳ Minh Mạng, lúc mà giáo sĩ Pháp hoạt động còn hạn chế trong bối cảnh chung.

Mặc dù vấn đề Công giáo đã được đem ra để bàn thảo rộng rãi nhằm giải quyết vấn đề nan giải trong xã hội lâu nay, song đều không đưa ra được giải pháp hiệu quả và toàn diện. Điều này phần nào cho thấy một thực tế quyền lực và mức độ kiểm soát của nhà vua, hay rộng ra là thái độ của Tự Đức cũng như triều đình đối với Công giáo. Đó là sự phân hóa xã hội cao giữa người không theo Công giáo với giáo dân, sự khác biệt và phân hóa ngay trong bản thân triều đình hay bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương. Chính bức xúc xã hội cùng với nhận thức và hành động của giới cầm quyền sau đó đã đưa đến hệ quả là sự giằng xé giữa quá khứ và hiện tại, sự bế tắc và là bi kịch của Việt Nam, rộng ra là "bi kịch của châu Á: có sẵn tri thức nhưng không có sự tiếp thu học hỏi" trong thế ứng đối với phương Tây nói chung. Rõ ràng, trong những thời điểm nhất định, xã hội Đại Việt đã có sự lựa chọn và thực tế đã hướng theo một mô thức "khác Trung Hoa" (*Alternative China*). Sự thành lập nhà Nguyễn lại là sự tái cấu trúc, tái lập mô hình thiết chế Trung Hoa dù đã và đang trên con đường suy thoái, trở thành lực cản trên con đường "hiện đại hóa tức" (*Modernization*) hay Tây hóa (*Westernization*). Hầu hết những nước chịu ảnh hưởng sâu sắc của Trung Hoa đều đã thất bại trên con đường tự cường, và như vậy, việc lựa chọn và quyết tâm theo đuổi một mô hình phát triển mới, vượt qua "hàng rào số quan hệ" trở thành nhu cầu bức thiết trong bối cảnh Đông Á lúc bấy giờ.

Trong khi ở Pháp đang đẩy nhanh công cuộc can thiệp vào Việt Nam, vua Tự Đức ban hành liên tục các chỉ dụ cấm đạo, dù đã nhận thức ra hậu quả của nó. Lúc này ở Việt Nam, đó là những con người cũ trong bối cảnh khu vực và thế giới mới, thiếu vắng một bộ đỡ kinh tế - xã hội của một giai tầng mới đủ mạnh, hay thiếu một trào lưu tư tưởng mới về chất.

Việc bách đạo gia tăng dưới thời Tự Đức rõ ràng không chỉ là hệ quả của cuộc đụng độ Pháp - Việt Nam diễn biến từ giữa thế kỷ XIX. Trong phạm vi quyền hạn và bổn phận của mình, các biện pháp cấm đạo đã phản tác dụng, lòng thù hận trở thành "sự cuồng tín", khoét sâu thêm hố sâu bất đồng lương - giáo, không quy tụ được sức mạnh đoàn kết dân tộc. Từ ý nghĩa đó, cuộc can thiệp của Pháp đã tạo nên "cú huých từ bên ngoài", góp phần làm sụp đổ mô hình phát triển cũ.

Trên diễn trình quan hệ và động thái từ hai phía, cuộc xung đột quân sự của Pháp ở Việt Nam chỉ còn vấn đề thời gian. Những diễn biến nội tình ở hai nước dường như là "chất xúc tác" làm cho quá trình này đến nhanh hơn. Tôn giáo được cho là cái cớ, lý do then chốt của mọi vấn đề nan giải. Khi vấn đề đó diễn ra gay gắt càng khiến Pháp đẩy mạnh việc xâm lược, còn Việt Nam nổi dài sự e ngại, nghi kỵ, bế tắc, càng làm khuynh hướng thứ nhất xảy ra nhanh chóng.

Trong quá trình hoạch định can thiệp, tiếng nói của thừa sai chưa thể đóng vai trò quyết định cuối cùng. Trên thực tế, việc yêu cầu một sự can thiệp dù rất

chính đáng và thông thiết nhưng chính quyền kế tiếp ở Pháp đã không thể đáp ứng vì nhiều lý do khác nhau. Quyết định viễn chinh lúc này đã được tính toán trên rất nhiều dữ kiện, lợi ích trước mắt và lâu dài, trên mọi mặt (kinh tế, tài chính, đối nội, đối ngoại), tức là trên những tiền đề điều kiện đã chín muồi. Do vậy, có ý kiến cho rằng trong quyết định xâm lược Việt Nam của Pháp vấn đề Công giáo chỉ có thể là *nguyên cớ* chứ không thể là *nguyên nhân*.

Vào thế kỷ XIX, bành trướng thuộc địa được nhìn nhận chủ yếu do kinh tế và chính trị. Đứng trên quan điểm quan hệ quốc tế hiện đại, "giá trị" trong chính sách đối ngoại với Việt Nam của Pháp là "vấn đề tôn giáo" và rộng ra là vấn đề "nhân quyền" - "quyền tự do tôn giáo". Đó là "giá trị" mà Pháp có thể mặc cả và đơn phương áp đặt những biện pháp chống lại chủ quyền, quyền tự tôn dân tộc kể cả bằng giải pháp quân sự. "Giá trị" này đã được sử dụng khá phổ biến, tỏ ra rất hiệu quả trong quá trình xác lập chủ nghĩa thực dân ở Viễn Đông.

Như vậy, trong bối cảnh khu vực và thế giới mới, mối liên hệ vốn rời rạc và thiếu nhất quán của những cá nhân, tập đoàn có lợi ích đến Việt Nam đã trở nên mật thiết, ràng buộc chặt chẽ với nhau hơn. Cuộc can thiệp quân sự của Pháp vào Việt Nam là hệ quả lớn nhất và lâu dài nhất đối với toàn bộ diễn trình lịch sử của hai nước. Các cuộc xung đột trên ý thức hệ là "duyên cớ" đưa đến các cuộc can thiệp vũ trang thì ngược lại, cuộc đụng độ vũ trang đó càng làm cho những xung khắc trở nên quyết liệt hơn, là hệ lụy văn hóa - xã hội lâu dài đối với cả hai nước.

Tiểu kết

Cho đến thập niên 50 thế kỷ XIX, giới sĩ quan hải quân, ngoại giao, giáo sĩ đã cùng đi đến quyết tâm xâm lược Việt Nam, coi đó là danh dự về chính trị, có lợi về tôn giáo, thuận lợi cho thương mại và đem lại lợi ích chung cho đất nước... Nhìn chung, việc mở một cuộc viễn chinh quân sự là nhằm thỏa mãn *tham vọng bành trướng* (chinh phục triều đình nhà Nguyễn), *mong muốn về tôn giáo* của những "nhóm lợi ích" lúc đó. Trong khi đó, chính sách và biện pháp cấm đạo của các vua triều Nguyễn cho thấy sự thiếu sót, sai lầm, sự kém hiểu biết về Công giáo, hay suy rộng ra là việc tiếp nhận thông tin và bản lĩnh xử lý thông tin từ bên ngoài nhất là của các vua về sau.

Sau nhiều năm hiện diện của người Pháp, cũng với mức độ hòa quyện đạt đến độ "trương đồng cao" trong quá khứ, phải chăng sẽ có cuộc đối thoại cởi mở, song kết quả của sự tiếp xúc Pháp - Việt Nam trong hơn hai thế kỷ lại là một bi kịch lịch sử. Bắt đầu bằng một cuộc gặp gỡ có nhiều tiềm năng trở thành những đối tác thân thiện, sự *đương diện* đã chuyển hóa thành cuộc xung đột giữa hai đối thủ thù nghịch, dẫn đến kết cục chiến tranh xâm lược, để lại hệ lụy nặng nề trong quan hệ hai nước ở những giai đoạn về sau, trong đó cả hai phía đều có trách nhiệm.

KẾT LUẬN

1. Quá trình mở rộng ảnh hưởng ra bên ngoài của nước Pháp nằm trong bối cảnh chung của khu vực và thế giới. Từ nhu cầu của hiện thực lịch sử, sự vận động nội tại và bành trướng của người Pháp vừa có nét chung vừa có những đặc tính riêng biệt, từ đó quy định đến tính chất và đặc điểm của Pháp ở hải ngoại.

Sau các cuộc phát kiến địa lý lớn, mối liên kết trên phạm vi thế giới vốn lỏng lẻo và mờ nhạt nay trở nên chặt chẽ, rõ ràng hơn. Đồng thời, công cuộc mở rộng ra bên ngoài còn là giải pháp dung hòa giữa nhu cầu phát triển kinh tế với sự "kìm kéo", cũng như sự dung dưỡng của ý thức hệ phong kiến. Sự thỏa hiệp giữa nhà nước thế tục và hoạt động truyền giáo, hay nhà nước và giáo hội, ở một khía cạnh nào đó trở thành một trong những điều kiện hình thành các giáo đoàn. Quốc gia tài trợ cho giáo đoàn, giáo sĩ trong giáo đoàn phải có những cử chỉ phục vụ cả giáo hội và quốc gia bảo trợ, một sự kết hợp giữa quyền lực "thiên liêng" với thế lực "trần tục". Trong các đợt thám hiểm, các giáo sĩ đều có mặt với vai trò tuyên úy, thi hành sứ mạng truyền giáo tại các vùng đất xa xôi, gắn bó chặt chẽ giữa hoạt động thương mại với truyền giáo.

Trong quá trình thâm nhập vào Viễn Đông, CIO và MEP - hai tổ chức và cách thức hoạt động đã phối hợp và liên kết chặt chẽ để thực thi mục tiêu chung của nhà nước phong kiến - tư sản Pháp. Tại cùng thời điểm, ngoài ý nghĩa bị chi phối ở cấp quốc gia, hai tác nhân này cũng luôn được dẫn dắt bởi các cá nhân, và chính họ đã làm nên những thay đổi căn bản trong quá trình mở rộng và xâm nhập ở Đông Ấn. Trong bối cảnh luôn chịu sự chi phối từ nhiều phía, MEP mang trong mình rất nhiều tư cách, nhiều sự chi phối, ngay từ đầu đã là một tổ chức rất phức tạp, việc không thể thực thi trọn vẹn và tuân thủ tuyệt đối huân lệnh ở mỗi cấp, tại mỗi thời điểm, trong mỗi hoàn cảnh có thể dễ dàng nhận thấy trong suốt quá trình phát triển của nó. Do vậy, có thể thấy MEP đã luôn bị nhìn nhận như một tổ chức phục vụ đặc lực cho công cuộc xâm lược của Pháp sau này ở Việt Nam.

2. Quá trình cạnh tranh bành trướng thế lực sang các quốc gia phương Đông của phương Tây đã tạo nên một dòng chảy lan truyền, tiếp biến kinh tế - văn hóa. Từ những đặc điểm chung khu vực, vừa thuận lợi, vừa thách thức, Việt Nam trở thành sự lựa chọn và sau đó trở thành đối tượng mở rộng và bành trướng của Pháp.

Vào giữa thế kỷ XVI, sự hình thành thế cuộc chính trị mới là hiện tượng phát triển đặc thù trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Sự phân cát chính trị tuy đã tạo ra những thay đổi và bước chuyển căn bản trong diễn trình và khuynh hướng phát triển của Đàng Ngoài và Đàng Trong, nhưng mặt khác sự thống nhất dân tộc cũng bị phá vỡ. Chính trong bối cảnh đó, các nước phương Tây đã tìm đến và từng bước thâm nhập vào xã hội Việt Nam. Thâm nhập vào Viễn Đông tương đối muộn và gặp không ít khó khăn của nước đến sau, nhưng Pháp cũng sớm có những điều

chính để thiết lập chỗ đứng chân ở đây. Trong hiệu ứng kinh tế - văn hóa của quá trình này, hiệu ứng tôn giáo đóng vai trò rất đáng kể, đã tạo cơ sở cho một cộng đồng giáo dân đông đảo, sùng tín. Đó là lợi thế của nước Pháp so với các quốc gia tư bản khác. Những nỗ lực của A.de Rhodes, Lambert de la Motte, F.Pallu, liên hệ đến Pigneau, Retord, Pellerin... sau này, cùng hệ quả quan hệ hai nước, có thể hiểu tại sao những người này đã bị nhìn nhận như một thực thể thống nhất, "tập đoàn" có mối liên kết mật thiết với nhau.

3. Sự hiện diện vững chắc của Pháp ở Việt Nam nhờ vai trò quan trọng của giáo sĩ thừa sai, cộng đồng giáo dân, của một cơ sở bản địa vững vàng. Chính những nhân tố đó đã phần nào khắc phục quá trình suy thoái trong nhiều giai đoạn khó khăn. Ở những thời điểm đó, người Pháp vẫn có thể phát triển và duy trì vị thế trong đời sống văn hóa - tôn giáo Việt Nam.

Trong xã hội Đại Việt từ lâu xuất hiện các "cộng đồng cư dân mới". Họ là những người Việt, vẫn sống ở làng thôn, vẫn canh tác nông nghiệp, sản xuất thủ công, buôn bán... nhưng đã theo đuổi một niềm tin, lý tưởng riêng. Nhiều phong tục tập quán, sinh hoạt văn hóa cũng bắt đầu thay đổi. Trong ý nghĩa nào đó, sự xuất hiện của các xóm đạo, xứ đạo là một hiện tượng mới, nhưng qua đó cũng thấy sự rạn vỡ của cấu trúc xã hội truyền thống. Tính thuần khiết của xã hội Nho giáo, Phật giáo và các tín ngưỡng bản địa khác không còn nữa mà thay vào đó là những gam sắc đa màu. Thực tiễn cho thấy, theo thời gian, MEP có vai trò ngày càng gia tăng, bản thân sự ra đời và hoạt động của MEP ngay từ đầu đã có sự ủng hộ to lớn của Nhà nước và giáo hội Pháp. Trong suốt quá trình hoạt động của CIO, hiển nhiên nhờ uy thế về tôn giáo, người Pháp đã biết khóa lấp những thiếu vắng trên địa hạt thương mại.

Kết quả từ việc đào tạo đội ngũ thầy giảng, linh mục bản xứ là một trong những viên gạch đầu tiên để người Pháp gây dựng được cơ sở giáo dân trong xã hội Việt Nam. Tuy vậy, số lượng linh mục tăng nhiều lên không phải là giải pháp ưu tiên của người Pháp. Là người sống "qua thời bình lửa" nhiều năm ở Việt Nam, Giám mục Adran chủ trương không phong chức quá nhiều linh mục bản xứ, chỉ vừa đủ và "phải canh chừng họ". Mặt khác, xin nhấn mạnh là "làng Công giáo", ngoài việc được cố kết giống làng quê truyền thống khác, được củng cố thêm từ tổ chức của một cơ sở tôn giáo, trở thành những "không gian biệt lập" khó xâm phạm của các cá nhân, xã hội ngoại đạo.

4. Quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam tuy có những bước thăng trầm, nhưng không có nhiều đột biến, từng bước Pháp đã thiết lập được cơ sở vững chắc ở đây. Quá trình xâm nhập của Pháp cũng cho thấy thế cục Việt Nam, cùng những toan tính và biện pháp sai lầm của nhà Nguyễn lúc đó.

Cuối thế kỷ XVIII là một trong những giai đoạn khó khăn nhất, bước ngoặt của giáo hội Pháp. Tuy vậy, như một sự tương phản dường như nghịch lý, vị thế tôn giáo của người Pháp ở Việt Nam lại bước vào giai đoạn thuận lợi mà cho tới nay, trong lịch sử truyền giáo ở Việt Nam cũng như ở châu Á, chưa bao giờ có. Với sự xuất hiện của Pigneau de Béhaine, có thể nói lần đầu tiên, vị thế của người Pháp được chính thức khẳng định trong đời sống chính trị của triều đình Việt Nam. Cũng lần đầu tiên trong lịch sử phong kiến Việt Nam, dù chỉ là những tước vị, một đội ngũ quan lại cao cấp đồng đảo là người nước ngoài có mặt trong bộ máy chính quyền cao nhất. Đây là điều mà phải vài thập niên sau mới thấy xuất hiện ở Xiêm và Nhật Bản.

Đứng trước quá trình xâm nhập, nhìn chung nhà cầm quyền Việt Nam đều thực thi chính sách không nhất quán giữa khoan dung và cấm đoán. Thái độ và chính sách hai mặt đó của chính quyền phong kiến Việt Nam vừa muốn được lợi trong công việc buôn bán, vừa muốn bảo vệ ý thức hệ chính thể Nho giáo, dẫn đến những hành xử nhiều khi thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ, gây ảnh hưởng tiêu cực. Đó cũng là một trong những nguyên nhân rất căn bản đưa đến sự mở rộng từng ngày của công đồng và giáo dân bản xứ. Rõ ràng, trước những thách thức và khủng hoảng, chính quyền Nguyễn thường tìm đến những giải pháp thỏa hiệp chiết trung, mang tính chấp vá, thực dụng, tìm cơ hội để thoát thân, để duy trì nguyên trạng, hệ quả càng lâm vào thế phòng ngự bị động, không lối thoát.

5. Quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam là một quá trình "giao lưu kép", thể hiện rõ bản chất của người Pháp trong nhiều thế kỷ có mặt ở Đông Á. Gắn bó các hoạt động buôn bán với truyền đạo, tiếp đó là tạo tiền đề cho những mưu toan gây ảnh hưởng chính trị, các hoạt động và can thiệp của người Pháp đã để lại những hệ quả trong xã hội Việt Nam mà biểu hiện căn bản nhất là xung đột về văn hóa - xã hội, đỉnh cao qua cuộc cấm đạo, bách đạo ngày càng gia tăng, quyết liệt.

Ngay từ đầu, khó có thể coi việc thâm nhập vào xã hội Việt Nam hoàn toàn đã mang màu sắc chính trị, hay hoạt động của các giáo sĩ thừa sai là nhằm vào mục tiêu xâm lược như sau này. Nội dung quan hệ giữa Pháp - Việt Nam về đại thể là quá trình "giao lưu kép" được biểu hiện như khoan dung và cấm đoán, mở cửa và hạn chế, truyền giáo và cấm đạo, cởi mở và thực dụng, sau dần kết hợp văn hóa - xã hội với chính trị - quân sự, truyền giáo và thực dân..., khó có một kịch bản trước. Điều này cho thấy mức độ tiến hóa của mối quan hệ phức tạp, phát triển đến cao độ của những mâu thuẫn nội tại. Một trong những bi kịch của "mâu thuẫn bên trong" là sự "giằng xé tư tưởng", đỉnh cao trở thành bi kịch, "nạn nhân" có lẽ không ai khác chính là Nguyễn Ánh - Gia Long. Một sự "giằng xé xã hội" đã hình thành từ những biến động chính trị - xã hội thời bấy giờ. Thế lưỡng nguyên đối trọng hình

thành dai dẳng, ngày càng bị dấn căng giữa chính thống - phi chính thống, dân tộc - dân chủ...

Vào đầu thế kỷ XIX, các thừa sai được cử đến Việt Nam càng về sau càng tỏ ra cứng nhắc và "cứng rắn" trong cách ứng xử. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó một phần rất lớn do quá trình đào tạo ở chủng viện Paris. Khi xung khắc nổi lên, những người này tỏ ra nóng vội đưa đến hành động gây tổn hại nghiêm trọng. Mặt khác, từ việc nhìn "tà đạo", "dị đoan", "mê hoặc", "thuốc độc", từ việc phân biệt giữa thừa sai Pháp với linh mục người Việt, giáo dân bình thường với đạo trưởng, bỏ đạo với chưa bỏ đạo... các nhà cầm quyền ở Việt Nam đã đi đến quy tất cả vào với nhau. Sau cuộc đụng độ vũ trang đầu tiên, mối liên hệ giữa truyền giáo và "chủ nghĩa thực dân" đã đẩy lên thành an ninh quốc gia bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc. Từ đây bước ngoặt trong thái độ đối với người Công giáo, đẩy người theo đạo vào sự lựa chọn sống còn, dẫn đến sự cách ly với cộng đồng, khó dung hòa, không thể "cùng tồn tại". Công giáo là đồng minh của xâm lược, Công giáo là "phương Tây", ấn tượng lịch sử đó "thật khó có thể xóa bỏ", còn hệ lụy mãi sau này.

6. Trong bối cảnh khu vực và thế giới mới, quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Lúc này, mối liên hệ vốn rời rạc và thiếu nhất quán của những cá nhân, tập đoàn có lợi ích đến Việt Nam đã trở nên mật thiết, ràng buộc với nhau hơn. Cuộc can thiệp quân sự của Pháp vào Việt Nam là hệ quả lớn nhất và lâu dài nhất đối với toàn bộ diễn trình lịch sử của hai nước.

Những biến động và thăng trầm của tôn giáo luôn có tác động từ rất nhiều nhân tố khách quan và chủ quan. Sự biến đổi của Công giáo đã trải qua các giai đoạn tái xác định vị trí sau những thời kỳ suy thoái mạnh, thậm chí khủng hoảng. Trong lịch sử, mối quan hệ giữa nhà nước với giáo hội, giữa giai cấp tư sản với giới tăng lữ... là khá vững chắc. Qua sự vận động của châu Âu, mặc dù chịu sự chỉ trích và bài trừ, nhưng không phải là để xóa bỏ mà trên thực tế là tái cấu trúc mối quan hệ truyền thống trên. Tôn giáo từ chỗ có mối liên hệ mật thiết của chế độ phong kiến trở thành đối tượng đồng hành và chỗ dựa tinh thần của giai cấp tư sản; tái xác lập mối quan hệ giữa nhà nước - giáo hội, càng về sau là xây dựng nhà nước thế tục. Trước xu thế thực dân mới, mối liên hệ giữa truyền giáo với chủ nghĩa thực dân trở thành xu thế khó tránh khỏi, hiện tượng phổ biến trong lịch sử cận đại. Hầu hết các nước đều tìm cách can thiệp vào hoạt động truyền giáo, phương tiện thực hiện tham vọng thực dân. Có thể thấy, từ lâu mối quan hệ giữa nhà nước và giáo hội về cơ bản đã được giải quyết ở một số nước châu Âu, song những sợi dây liên kết vẫn vô hình kết nối những "nhóm lợi ích" này với nhau, là phương tiện, là cứu cánh để đạt đến những mục đích của riêng mỗi bên.

Trước hiện thực đó, lịch sử đã cho thấy vai trò của cá nhân đứng đầu là hết sức quan trọng trong bối cảnh mà chủ nghĩa tư bản đã và đang chuyển đổi mạnh mẽ

sang chủ nghĩa đế quốc, hình thành một hệ thống thuộc địa khắp châu Á. Ở Việt Nam, ý nghĩa đó còn được tăng lên gấp bội khi chưa có một chính thể phong kiến nào tập trung quyền lực vào tay nhà vua như nhà nước quân chủ chuyên chế Nguyễn lúc này. Tất cả những vận động và chuyển biến đó ở Việt Nam hoàn toàn khác so với Xiêm và Nhật Bản, đồng thời dẫn đến những hành xử và kết quả trái ngược.

Đến giữa thế kỷ XIX, xét trên bình diện chủ quan chung, sự tồn tại của nhà Nguyễn là hợp lý. Nhưng về sau các vua Nguyễn càng không đủ điều kiện để tiếp nhận và trao truyền các giá trị truyền thống và khu vực được nữa. Trong khi đó họ cũng không đủ thời gian, điều kiện, cơ sở xã hội và quyết tâm tiếp nhận các giá trị mới mà thời đại đem lại. Do vậy, thể chế Nguyễn ngày càng trở nên thiếu sinh lực và năng lực quản lý và tổ chức nhà nước vì trong một xã hội Tống Nho "*miệng muốn nói hãy nói bằng miệng của người xưa; Tay muốn viết hãy viết bằng tay của người xưa*", quan niệm "*thể*", "*dụng*" được nhận thức mơ hồ, trừu tượng. Từ chỗ là giai cấp lãnh đạo, biểu trưng cho sự tập trung và sức mạnh dân tộc, từng bước vương triều Nguyễn đã xa rời và bỏ rơi ngọn cờ dân tộc. Lợi ích, giá trị giai cấp không gắn liền với giá trị dân tộc và trở nên lạc lõng trước giá trị thời đại. Nhà Nguyễn suy yếu dần, đánh mất "*Thượng sách giữ nước*", cuối cùng đã để mất độc lập dân tộc. Ở khía cạnh khác, cũng cần phải nói là sự có mặt của người Pháp lâu dài và thường xuyên ở Việt Nam vô hình chung làm Việt Nam trở thành "vùng ảnh hưởng" của Pháp, ít nhất là trong nhận thức của người phương Tây. Do vậy, rất khó có một thế lực phương Tây nào có thể xâm nhập hay can dự trực tiếp vào nội tình ở Việt Nam bởi người Pháp vẫn có thể duy trì khá đều đặn động thái ở vùng đất có quan hệ trong quá khứ chặt chẽ với Pháp này. Đây là đặc điểm rất riêng và khác biệt căn bản so với các quốc gia khu vực.

*

Lịch sử là một quá trình vận động không ngừng, tạo nên những bước ngoặt mang tính lịch sử, chi phối quá trình phát triển mang tính tiếp nối cao hơn, rõ ràng hơn, nằm trong một tổng thể, tại đó các sự kiện liên quan hết sức chặt chẽ. Các nhân tố trên luôn chịu tác động từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan, bối cảnh lịch sử, trong đó bị chi phối rất lớn từ những bước chuyển diễn ra ở khu vực và thế giới. Tiếp sau các sự kiện này luôn được biểu hiện ở những cấp độ khác nhau như kết quả, hệ quả, hệ lụy... Biện giải trên cơ sở tư duy phức, giải thích và nhận thức mới, đa diện trên những sự kiện, tư liệu mới và cũ, nguyên nhân và hệ quả của quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam từ cuối thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX đã được nhìn nhận dưới góc độ như thế.

CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Mạnh Dũng (2006), "Về hoạt động của Công ty Đông Ấn Pháp với Đại Việt (Nửa sau thế kỷ XVII - giữa thế kỷ XVIII)", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 9 (365), tr. 51-64.
2. Nguyễn Mạnh Dũng (2007), "Hoạt động thương mại của Công ty Đông Ấn Pháp ở Siam trong nửa sau thế kỷ XVII", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 4 (372), tr. 35-48.
3. Nguyễn Mạnh Dũng (2007), "Quá trình truyền bá đạo Công giáo nhìn từ những cuộc tiếp xúc Pháp - Việt các thế kỷ XVII-XVIII", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9 (51), tr. 36-44.
4. Nguyễn Mạnh Dũng (2008), "Xuyên quốc gia và đa chủng tộc đầu thời Nguyễn Ánh - Gia Long" - Thêm một góc nhìn về lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XVIII - đầu XIX", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 7 (387), tr. 68-79, 64.
5. Nguyễn Mạnh Dũng (2008), "French - Vietnamese Contacts in the Seventeenth - Eighteenth Centuries in Retrospect", *Religious Studies Review (VASS)*, số 2 (2), pp. 34-44.
6. Nguyễn Mạnh Dũng (2009), "Vài nét về tình hình nghiên cứu Công giáo ở Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5 (71), tr. 44-52
7. Nguyễn Mạnh Dũng (2009), "Vùng Đông Bắc Việt Nam trong tuyến hải trình Đông Á thế kỷ VIII-XVIII (Qua khảo cứu một số tư liệu Bồ Đào Nha và Pháp)", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 9 (114), tr. 40-53.
8. Nguyễn Mạnh Dũng (2009), "Xung quanh chuyến đi của Pierre Poivre tới Đàng Trong giữa thế kỷ XVIII", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 12 (404), tr. 36-47.
9. Nguyễn Mạnh Dũng (2009), "Sự kết thúc của "Thời đại Đàng Trong" - Sự chấm dứt của một mô hình", *Tạp chí Khoa học xã hội* (Viện phát triển bền vững vùng Nam Bộ), số 12 (136), tr. 70-79.
10. Nguyễn Mạnh Dũng (2010), "Về chủ nghĩa trọng thương ở Pháp thế kỷ XVI-XVII", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, số 7(118), tr. 50-60.
11. Nguyễn Mạnh Dũng (2010), "Some Features on Catholic Research in Vietnam", *Religious Studies Review (VASS)*, số 4 (1), pp. 65-75.